

**BỔ SUNG MỘT CHI MỚI *LAGAROSOLEN* W. T. Wang
(HỌ TAI VOI - GESNERIACEAE) CHO HỆ THỰC VẬT VIỆT NAM**

VŨ XUÂN PHƯƠNG

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Chi *Lagarosolen* (Ổng nhỏ) được W. T. Wang phát hiện và công bố năm 1984 với một loài *Lagarosolen hispidus* W. T. Wang; mẫu vật thu được ở tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Năm 1993, D. Fang & L. Zeng phát hiện loài thứ hai *Lagarosolen integrifolius* D. Fang & L. Zeng; mẫu vật thu được ở tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Chi *Lagarosolen* được các tác giả ghi nhận là chi đặc hữu của Trung Quốc. Gần đây, có dịp nghiên cứu kỹ các tư liệu và các mẫu vật của họ Tai voi (Gesneriaceae) ở Việt Nam để phục vụ cho việc biên soạn thực vật chí Việt Nam về họ này, chúng tôi đã phát hiện ra chi *Lagarosolen* không những chỉ phân bố ở Trung Quốc mà còn gặp ở cả Việt Nam với loài *Lagarosolen hispidus* W. T. Wang; mẫu vật của loài này thu được ở huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Cạn. Đây là chi bổ sung mới cho họ Gesneriaceae ở Việt Nam.

Để có công bố này, chúng tôi đã áp dụng phương pháp nghiên cứu so sánh hình thái được sử dụng để phân loại các taxon. Mẫu vật của Việt Nam đã được so sánh với các mẫu chuẩn của Trung Quốc. Dưới đây là đặc điểm của chi và loài mới được phát hiện ở Việt Nam.

***LAGAROSOLEN* W. T. Wang**

W. T. Wang, 1984. Acta Bot. Yunnan. 6: 11; id. 1990. Fl. Reip. Pop. Sin. 69: 329; id. 1998. Fl. China, 18: 310.

Cỏ sống nhiều năm, trên đất hoặc bám trên đá, không thân. Lá tập trung ở gốc, thường có một vài lá tới nhiều; phiến lá có lông tơ ngắn hay lông dài cứng, gốc lá tròn hay hình tim. Cụm hoa ở nách lá, gồm các xim ít đến nhiều

hoa. Lá bắc 2, mọc đối. Đài đều, 5 thùy bằng nhau, xẻ sâu tới đáy. Tràng đỏ tía, đối xứng 2 bên, mặt trong có lông cứng hoặc lông tơ mềm; ống tràng hình trụ, không phồng lên, dài hơn thùy nhiều, đường kính 3-4 mm; 2 môi; môi trên 2 thùy, 2 lần ngắn hơn môi dưới; môi dưới 3 thùy, các thùy gần bằng nhau, đỉnh nhọn. Nhị hữu thụ 2, bao phấn dính lại, chỉ nhị dính ở mặt dưới gần họng tràng, thụt trong tràng, bao phấn dính lưng, dính liền ở phía trên, một nửa bao phấn dãn ra chụm lại ở đỉnh, mở theo chiều dọc; trung đới không nhô ra; nhị bất thụ 3, dính ở mặt trên ống tràng. Triền tuyến mật dạng đầu hay dạng nhẫn (vòng). Bầu hình đường 1 ô; giả noãn 2, dính bên, hơi nhô ra hướng vào trong, chẻ đôi. Núm nhụy 2 thùy bằng nhau, dẹt. Quả nang thẳng với cuống, hình đường, vượt hơn đài nhiều, mở cắt vách tới dưới, 4 van, thẳng, không xoắn vặn. Hạt hình bầu dục.

Có 2 loài ở Trung Quốc. Việt Nam gặp 1 loài.

***Lagarosolen hispidus* W. T. Wang -
Ổng nhỏ lông cứng**

W. T. Wang, 1984. Acta Bot. Yunnan. 6: 12; id. 1990. Fl. Reip. Pop. Sin. 69: 329; id. 1998. Fl. China, 18: 310.

Cỏ sống nhiều năm, trên đất hoặc bám trên đá, không thân. Lá tập trung ở gốc, phiến lá thuôn, hình trứng rộng hay gần tròn, cỡ 6-12(-29) × 3-7(-13) cm, chóp lá tù hay tròn, gốc lá tròn hay hình tim, mép lá xẻ răng cưa nhỏ, đều hay lượn sóng, hai mặt có lông trắng bạc; gân bên 4-6 đôi, cuống lá 2-14 cm, có lông dài. Cụm hoa xim ở nách lá, mang nhiều hoa; cuống

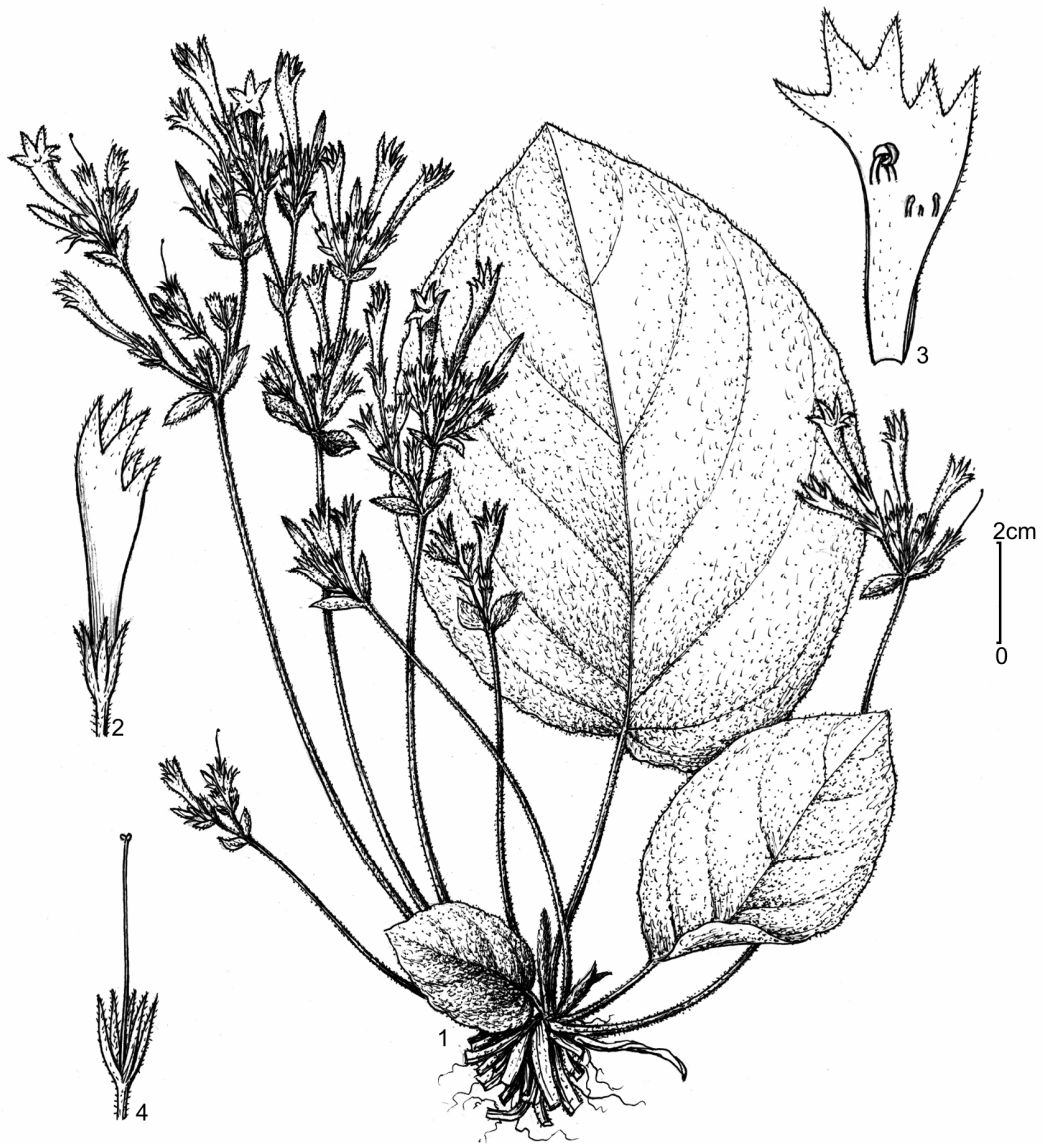
chung của cụm hoa 3-6 (-18) cm, có lông; lá bắc hình bầu dục thuôn, dài 1,4-2,5 cm, có lông. Đài đều, xẻ sâu đến đáy; 5 thùy hình tam giác hẹp, cỡ 7-8 × 0,8-1,2 mm, có lông dài rải rác phía ngoài. Tràng màu đỏ tía hay tím xanh, dài 2-3 cm, ống dài 1,8-2,2 cm, có lông, 2 môi; môi trên 2 thùy, dài 4-5 mm; môi dưới dài 7-9 mm, thùy hình tam giác nhọn. Nhị hữu thụ 2, dài 3,5-4 mm, bao phấn dính lại, nhẵn. Nhị bất thụ 3 dài 0,4-1,5 mm. Nhụy dài 1,2-1,8 cm, có lông và có lông tuyến, vòi dài 1,2-1,3 cm, núm

nhụy xẻ 2 thùy. Quả nang dài 1,5-1,7 cm, có lông, mang đài tồn tại. Hạt hình bầu dục, dài 0,4-0,5 mm, nhẵn.

Loc. class.: China: Yunnan (Xichou Xian).

Typus: W. M. Chu, J. J. Ho, S. G. Lu & F. S. Fan 1384 (Herb. Lab. Geobot. Univ. Yunn.).

Sinh học và sinh thái: mùa hoa vào các tháng 4-5; quả chín vào các tháng 7-8. Gặp trong rừng thường xanh, sườn dốc, ở độ cao 700-1000 m so với mặt nước biển.



Lagarosolen hispidus W. T. Wang

1. cây mang cụm hoa; 2. hoa; 3. tràng mở; 4. đài và vòi nhụy
(hình vẽ theo mẫu HAL 4863, HN)

Phân bố: tỉnh Bắc Cạn (chợ Đồn). Còn có ở Trung Quốc.

Mẫu nghiên cứu: Bắc Kạn, HAL 4863 (HN); 4730, 5630 (HN).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Author**, 2004: Higher Plants of China, 10: 284-285. Quangdao Publishing House (tiếng Trung Quốc).
2. **Wang W. T.**, 1984: Notulae de Gesneriaceis Sinensibus. Acta Bot. Yunn., 6(1): 11-14. Beijing (tiếng Trung Quốc).
3. **Wang W. T.**, 1990: Flora Reipublicae Popularis Sinicae, 69: 329-331. Beijing (tiếng Trung Quốc).
4. **Wang W. T.**, 1998: Flora of China, 18: 310. Beijing (tiếng Anh).

ONE NEW GENUS OF THE FAMILY GESNERIACEAE FOR THE FLORA OF VIETNAM

VU XUAN PHUONG

SUMMARY

The genus *Lagarosolen* W. T. Wang (Gesneriaceae) was published in 1984 with 1 species *L. hispidus* W. T. Wang. In 1993, D. Fang & L. Zeng have introduced one new species *L. integrifolius* D. Fang & L. Zeng. These specimens were collected in Yunnan and Guangxi provinces of China. The genus *Lagarosolen* was regarded as endemic of China. During the study of specimens and documents of Gesneriaceae of Vietnam, we have found that the genus *Lagarosolen* has distributed also in Vietnam, with 1 species *L. hispidus* W. T. Wang; the specimens were collected in the Chodon district, Baccan province. Thus, this genus and this species were new records for the flora of Vietnam.

Ngày nhận bài: 12-9-2006